

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 01/TTr-SNV ngày 02/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn đã được Đại hội đại biểu Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 - 2028 thông qua ngày 30/11/2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Duy Hưng

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn
(phê duyệt kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND
ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên gọi: Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn (sau đây viết tắt là Hội).

2. Biểu tượng: Hội dùng biểu tượng của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam và Biểu tượng của Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội là một tổ chức xã hội tập hợp tổ chức, cá nhân công dân Việt Nam, sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có tâm huyết, tự nguyện đoàn kết cùng hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật và trẻ em vươn lên trong cuộc sống.

2. Mục đích: Hội được thành lập nhằm đẩy mạnh trợ giúp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tích cực vận động thu hút mọi nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật giúp đỡ họ hòa nhập cộng đồng. Phân đấu vì mục đích làm cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản; tham gia ngăn chặn mọi hành vi xâm hại quyền trẻ em theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn, góp phần xây dựng quê hương Bắc Kạn ngày càng phát triển.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở Hội đặt tại tầng 3, trụ sở làm việc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn, số 45, Tổ 7, Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Bắc Kạn trong lĩnh vực bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em.

2. Hội là thành viên của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam; là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, đoàn kết, tương trợ, hợp tác.
3. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ được giao; chủ động vận động tài trợ và tự bảo đảm kinh phí để hỗ trợ cho đối tượng.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong môi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; phối hợp tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, trẻ em và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và từ các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các Hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động Hội, góp phần xây dựng và phát triển địa phương.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN VÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên tổ chức: Các Hội hoạt động trong lĩnh vực về người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em trong phạm vi tỉnh Bắc Kạn tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam không bị xem xét, xử lý vi phạm pháp luật hình sự; có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có nhiều đóng góp cho Hội.

b) Hội viên tổ chức: Hội được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực về người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em; có văn bản đề nghị tham gia Hội; tán thành và hoạt động tuân thủ Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp hội viên và ra khỏi Hội phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Đối với công dân, tổ chức đã là hội viên của Hội trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục kết nạp hội viên theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Tình nguyện viên

1. Công dân Việt Nam không đủ tiêu chuẩn tham gia hội viên chính thức; người nước ngoài đang sống hoặc làm việc hợp pháp tại Việt Nam tự nguyện tham gia với Hội nhằm chăm sóc, giúp đỡ người khuyết tật và trẻ em được Hội xem xét công nhận là tình nguyện viên.

2. Tình nguyện viên được tham gia các hoạt động trợ giúp người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em do Hội tổ chức.

3. Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, điều kiện trình tự, thủ tục công nhận tình nguyện viên phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ (Thường trực Hội).

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng.

6. Pháp nhân và Chi hội thuộc Hội.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên; chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các Nghị quyết của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành.

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp từ 01 đến 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định. Trường hợp cần thiết giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội (Thường trực Hội)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên của Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập các kỳ họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ họp mỗi năm 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định. Trường hợp cần thiết giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ biểu quyết thông qua lấy ý kiến bằng văn bản.

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính và sử dụng tài sản của Hội. Xem xét giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định.

Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội là bộ phận giúp việc, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định pháp luật. Chánh Văn phòng giúp việc lãnh đạo Hội trong điều hành và quản lý hoạt động hằng ngày của Văn phòng Hội. Các viên chức của Văn phòng tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ và Điều lệ Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành, Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó của Văn phòng thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Giải thể Hội

1. Hội tự giải thể theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành và hội viên chính thức của Hội.

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi Hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc Hội không hoạt động liên tục ít nhất 12 (mười hai) tháng.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể Hội, việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội

a) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

b) Tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ cho Hội của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

c) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).

d) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội

- a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- b) Chi mua sắm phương tiện làm việc.
- c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành hội phù hợp với quy định của pháp luật.
- d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.
- đ) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 23. Tài sản của hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản thực hiện theo quy chế về quản lý tài chính, tài sản của Hội đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy mức độ sai phạm mà bị phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ tư cách hội viên hoặc phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Hội viên vi phạm pháp luật, bị khởi tố thì đương nhiên không còn là hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, thủ tục xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn thông qua và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều, đã được Đại hội Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn thông qua ngày 30/11/2023 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bắc Kạn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.